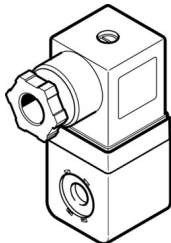


**Cuộn điện từ**  
**VACN-N-A1-1-EX4-A**  
 Số bộ phận: 8029139

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểu vận hành                                   | điện                                                                                                                                                                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                                                                                                                                     |
| Thời gian bật                                   | 100%                                                                                                                                                                                                       |
| mức tiêu thụ điện năng yêu cầu                  | 27 mA                                                                                                                                                                                                      |
| Lớp cách nhiệt                                  | F                                                                                                                                                                                                          |
| Lớp cách điện của dây tráng men                 | H                                                                                                                                                                                                          |
| Điện áp đầu vào tối đa Ui                       | 28 V                                                                                                                                                                                                       |
| Dòng điện đầu vào tối đa Ii                     | 115 mA                                                                                                                                                                                                     |
| công suất bên trong hiệu quả Ci                 | nhỏ không đáng kể                                                                                                                                                                                          |
| Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li                  | nhỏ không đáng kể                                                                                                                                                                                          |
| Phân loại hàng hải                              | xem chứng nhận                                                                                                                                                                                             |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)                                                                                                                                                                   |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK EX                                                                                                                                                                                        |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Db (BR)<br>EPL Db (CN)<br>EPL Db (GB)<br>EPL Db (IEC-EX)<br>EPL GB (BR)<br>EPL Gb (CN)<br>EPL Gb (GB)<br>EPL Gb (IEC-EX)                                                                               |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (BR)<br>Vùng 1 (CN)<br>Vùng 1 (IEC EX)<br>Vùng 1 (UKEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (BR)<br>Vùng 21 (CN)<br>Vùng 21 (IEC EX)<br>Vùng 21 (UKEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |

| Đặc tính                             | Giá trị                                                                                                      |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cơ quan cấp chứng chỉ                | CCC 2021322307003993<br>DNV 15.0188<br>DNV TAA000011J<br>GYJ21.1326<br>IECEX PTB 15.0013<br>PTB 09 ATEX 2043 |
| Danh mục ATEX Khí                    | II 2G                                                                                                        |
| Danh mục ATEX Bụi                    | II 2D                                                                                                        |
| Loại chống cháy nổ Khí               | Ex ia IIC/IIB T6/T4 Gb                                                                                       |
| Loại chống cháy nổ Bụi               | Ex tb IIIC T80°C/T130°C Db                                                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài | T4, T130°C: -40°C ≤ Ta ≤ +85°C<br>T6, T80°C: -40°C ≤ Ta ≤ +50°C                                              |
| Lớp chống ăn mòn KBK                 | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                       |
| Tuân thủ LABS                        | VDMA24364-B2-L                                                                                               |
| Mức độ bảo vệ                        | IP65                                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh       | -20 °C...50 °C                                                                                               |
| trọng lượng sản phẩm                 | 114 g                                                                                                        |
| Cổng nối điện                        | Dạng A<br>theo DIN EN 175301-803                                                                             |
| Kiểu gắn                             | với đai ốc có khóa                                                                                           |
| Ghi chú vật liệu                     | Tuân thủ RoHS                                                                                                |
| Vật liệu vỏ                          | Nhựa<br>Thép                                                                                                 |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm     | Đồng thau                                                                                                    |
| Vật liệu cuộn dây                    | Đồng                                                                                                         |